|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: /TTr-UBND  **(DỰ THẢO)** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Kạn, ngày tháng 11 năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, với những nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở pháp lý**

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 (Luật NSNN năm 2015);

Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Nghị định số 53/2020/NĐ-CP);

Theo đó, tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định:*“Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành văn bản quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cho tổ chức cung cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải mà chưa ban hành văn bản mới thay thế thì được tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành văn bản mới thay thế tại kỳ họp gần nhất.”*;tại khoản 2 Điều 12 quy định:*“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể:*

*a) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại**khoản 1 Điều 6 Nghị định này (nếu cần);*

*b) Tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại**khoản 1 Điều 9 Nghị định này.”*

**2. Cơ sở thực tiễn**

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Nghị định số 154/2016/NĐ-CP), HĐND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 quy định tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND); theo đó, tại Điều 1 quy định tỷ lệ để lại cho cơ quan thu phí như sau:

*“1. Đối với đơn vị cung cấp nước sạch: Để lại 5% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.*

*2. Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Để lại 25% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí”.*

Ngày 05/5/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020 và thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP; trong đó, tại khoản 1 Điều 6 quy định: *“1. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1m3 nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí”*;bên cạnh đó, tại khoản 1 Điều 9 có quy định:

*“1. Đối với nước thải sinh hoạt*

*a) Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch và 25% cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp chi phí tổ chức thu thấp hơn tỷ lệ để lại này, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức tỷ lệ để lại cụ thể phù hợp nhưng tối đa không quá 10% đối với tỷ lệ để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch và tối đa không quá 25% đối với tỷ lệ để lại cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.”*

Ngày 15/5/2020, UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành văn bản số 2691/UBND-NNTNMT về việc thực hiện Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ. Trên cơ sở đó, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bắc Kạn và UBND các huyện, thành phố đã triển khai thực hiện mức thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP và tiếp tục thực hiện tỷ lệ trích để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Kạn.

Qua rà soát, tổng hợp của cơ quan chuyên môn, trong quá trình tổ chức thu nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến nay, không có tổ chức, cá nhân có đề xuất thay đổi mức thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP; tuy nhiên, đối với tỷ lệ trích để lại cho tổ chức thu phí, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn là đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn có đề xuất điều chỉnh tăng tỷ lệ trích để lại (tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt) so với mức quy định tại Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Kạn (từ 5% lên 10%) để đảm bảo bù đắp các chi phí hợp lý trong công tác thu phí.

Từ các cơ sở nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết và đúng quy định hiện hành.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích ban hành**

Việc triển khai xây dựng Nghị quyết nhằm quy định cụ thể tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn cho tổ chức thu phí, đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015, Nghị định số 53/2020/NĐ-CP; đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Nghị quyết trong hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm nội dung rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với thực tế, trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**2. Đối tượng áp dụng**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn, các tổ chức cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh (*nếu có*), UBND các huyện, thành phố, UBND các phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 51/TB-HĐND ngày 23/10/2024 về việc dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, trong đó Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phân công, đôn đốc các cơ quan liên quan chuẩn bị các tờ trình đảm bảo đúng quy định và thời gian; Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn: Thực hiện đúng trình tự, quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban HĐND tỉnh trong quá trình xây dựng các hồ sơ dự thảo Nghị quyết ngay từ bước xây dựng dự thảo; chủ động, sớm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin ý kiến định hướng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với các nội dung theo thẩm quyền quy định; thực hiện đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các Sở, ngành, địa phương; gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định; tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh ban hành.

**V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 02 Điều:

- Điều 1. Quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Điều 2. Tổ chức thực hiện.

**2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

“Điều 1. Quy định tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

1. Đối với tổ chức cung cấp nước sạch: Để lại 7% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

2. Đối với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn: Để lại 25% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

Điều 2. Tổ chức thực hiện”

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN**

Kinh phí đảm bảo thực thi Nghị quyết sau khi được thông qua: Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách (Nghị quyết được ban hành sẽ phát sinh kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, nằm trong khả năng cân đối ngân sách của tỉnh).

**VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: KHÔNG** (UBND tỉnh ban hành Tờ trình trên cơ sở cơ quan tham mưu đã tổng hợp và thống nhất các ý kiến tham gia góp ý của các tổ chức, cá nhân theo quy định).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyếtquy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(UBND tỉnh gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết kèm theo, gồm: 1. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; 2. Thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; 3. Biểu thuyết minh kèm theo; 4. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; 5. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; 6. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các đơn vị, địa phương; 7. Các ý kiến đóng góp của đơn vị, địa phương)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên (Đ/n);  - CT, các PCT UBND Tỉnh;  - Sở Tài chính;  - LĐVP (Ô. Nguyên);  - Lưu: VT, Tuyết. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Bình** |